

CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI: YÊU CẦU VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐỔI MỚI

Đinh Thị Hằng¹

Email: hangdt@hou.edu.vn; ORCID: 0009-0001-4947-9759

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 16/02/2026

Ngày phản biện đánh giá: 17/04/2026

Ngày bài báo được duyệt đăng: 14/05/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1208

Tóm tắt: Chuyển đổi số đang tái cấu trúc môi trường dạy học đại học và đặt ra yêu cầu đổi mới đối với các học phần nền tảng, trong đó có Pháp luật đại cương. Đối với học phần này, chuyển đổi số không chỉ dừng ở việc số hóa tài liệu hay tổ chức dạy học trực tuyến, mà đòi hỏi thiết kế lại nội dung, học liệu, phương pháp và kiểm tra đánh giá theo hướng tăng tính tương tác, bảo đảm tính cập nhật của nguồn pháp lý và phát triển năng lực vận dụng của người học. Bài viết phân tích cơ sở lý luận, nhận diện những vấn đề đặt ra từ thực tiễn triển khai tại Trường Đại học Mở Hà Nội, đồng thời đề xuất các định hướng đổi mới có tính khả thi. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích - tổng hợp tài liệu, so sánh và hệ thống hóa trên cơ sở văn bản chính sách và các công trình khoa học liên quan. Kết quả cho thấy việc đổi mới cần được triển khai đồng bộ, gắn với đặc thù học phần và điều kiện của cơ sở đào tạo.

Từ khóa: chuyển đổi số, giáo dục đại học, năng lực số, pháp luật đại cương, phương pháp giảng dạy

I. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số đang trở thành một định hướng trọng tâm của giáo dục đại học Việt Nam trong bối cảnh phát triển kinh tế số và xã hội số. Các chủ trương lớn của Nhà nước đều xác định giáo dục là lĩnh vực ưu tiên trong tiến trình chuyển đổi số, với yêu cầu đổi mới đồng thời hạ tầng công nghệ, học liệu, quản trị và phương thức dạy học (Thủ tướng Chính

phủ, 2020, 2022). Vì vậy, chuyển đổi số trong giáo dục đại học cần được nhìn nhận như một quá trình tổ chức lại hoạt động đào tạo trên nền tảng công nghệ, dữ liệu và tương tác số, chứ không chỉ là việc thay thế công cụ giảng dạy truyền thống bằng thiết bị điện tử.

Trong hệ thống các học phần nền tảng, Pháp luật đại cương có vị trí đặc biệt vì vừa cung cấp tri thức pháp lý cơ bản,

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

vừa góp phần hình thành ý thức thượng tôn pháp luật, trách nhiệm công dân và năng lực nhận diện vấn đề pháp lý trong đời sống học tập, lao động và xã hội. Tuy nhiên, nếu việc giảng dạy vẫn thiên về truyền đạt khái niệm, điều khoản và ghi nhớ thụ động, người học khó phát triển được khả năng lập luận, đối chiếu quy phạm và vận dụng pháp luật vào tình huống cụ thể. Trong khi đó, môi trường số cho phép giảng viên cập nhật nhanh văn bản pháp luật, tổ chức học tập theo tình huống, tăng cường tương tác và đa dạng hóa hình thức đánh giá.

Xuất phát từ bối cảnh đó, bài viết tập trung làm rõ cơ sở lý luận, phân tích thực trạng triển khai tại Trường Đại học Mở Hà Nội và đề xuất định hướng đổi mới phù hợp. Điểm tiếp cận của bài viết là gắn chuyển đổi số với đặc thù học phần, thay vì tiếp cận ở mức độ chung cho toàn hệ thống.

Mặc dù chuyển đổi số trong giáo dục đại học đã được đề cập trong nhiều nghiên cứu, song các công trình hiện có chủ yếu tiếp cận ở bình diện chung, chưa đi sâu vào đặc thù của từng học phần cụ thể, đặc biệt là các học phần lý luận như Pháp luật đại cương. Đồng thời, các nghiên cứu gắn với bối cảnh triển khai tại từng cơ sở đào tạo còn hạn chế, dẫn đến thiếu căn cứ thực tiễn cho việc đề xuất giải pháp phù hợp. Trong khi đó, yêu cầu đổi mới giảng dạy học phần này trong môi trường số đòi hỏi sự kết hợp chặt chẽ giữa đặc thù nội dung pháp lý và điều kiện tổ chức dạy học cụ thể. Đây chính là khoảng trống mà bài viết hướng tới bổ sung và làm rõ.

II. Cơ sở lý luận

2.1. Khái niệm chuyển đổi số trong giáo dục đại học

Các nghiên cứu gần đây cho thấy chuyển đổi số trong giáo dục đại học là quá trình tích hợp công nghệ số vào hoạt động đào tạo, quản trị, nghiên cứu và hỗ trợ người học nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả và khả năng tiếp cận giáo dục (Nguyễn & Đình, 2024; Dương, 2025). Theo cách hiểu này, chuyển đổi số không dừng lại ở số hóa tài liệu hay tổ chức lớp học trực tuyến, mà bao gồm cả việc thiết kế lại học phần, tái cấu trúc quy trình dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá và nâng cao năng lực số cho các chủ thể tham gia quá trình đào tạo.

Ở phương diện chính sách, Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đã xác định giáo dục là một trong những lĩnh vực cần ưu tiên triển khai; tiếp đó, Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 nhấn mạnh yêu cầu phát triển học liệu số, nền tảng dạy học trực tuyến, cơ sở dữ liệu và các điều kiện bảo đảm cho chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo (Thủ tướng Chính phủ, 2020, 2022). Điều đó cho thấy chuyển đổi số trong giáo dục đại học ở Việt Nam đã có nền tảng chính sách khá rõ, song hiệu quả triển khai vẫn phụ thuộc vào đặc thù từng cơ sở đào tạo và từng học phần.

2.2. Vai trò của chuyển đổi số đối với giảng dạy học phần Pháp luật đại cương

Pháp luật đại cương là học phần có tính khái quát cao, song nội dung lại gắn trực tiếp với các quan hệ xã hội, hành vi

pháp lý và thực tiễn công dân. Vì vậy, hiệu quả dạy học không chỉ được đo bằng khả năng ghi nhớ khái niệm hay quy định, mà còn bằng năng lực phân tích tình huống, nhận diện vấn đề pháp lý và đưa ra lập luận phù hợp. Đặc điểm đó đòi hỏi việc giảng dạy phải dịch chuyển từ truyền thụ kiến thức thuần túy sang tổ chức hoạt động học tập mang tính khám phá, đối thoại và vận dụng.

Trong bối cảnh này, chuyển đổi số tạo ra nhiều khả năng mới cho học phần. Môi trường số giúp cập nhật nhanh văn bản quy phạm pháp luật, nguồn tư liệu chính thống và các tình huống thời sự; đồng thời hỗ trợ tổ chức lớp học kết hợp, diễn đàn thảo luận, bài tập tình huống, kiểm tra ngắn và các hoạt động phản biện trực tuyến. Những hình thức đó phù hợp với xu hướng dạy học kết hợp, lấy người học làm trung tâm và tăng cường tham gia chủ động của sinh viên (Nguyễn và cộng sự, 2025).

Tuy vậy, riêng đối với học phần pháp luật, việc ứng dụng công nghệ phải đi liền với yêu cầu bảo đảm độ chính xác của nội dung, tính cập nhật của nguồn pháp lý và trách nhiệm học thuật của người học. Nói cách khác, chuyển đổi số trong giảng dạy Pháp luật đại cương không chỉ là vấn đề kỹ thuật, mà còn là vấn đề phương pháp sư phạm và chuẩn mực pháp lý.

2.3. Lược khảo nghiên cứu liên quan và yêu cầu về điều kiện bảo đảm

Lược khảo các nghiên cứu liên quan cho thấy ba nhóm vấn đề nổi bật. Thứ nhất, các nghiên cứu về chuyển đổi số trong giáo dục đại học nhấn mạnh tính

hệ thống của quá trình này, trong đó công nghệ chỉ phát huy giá trị khi gắn với đổi mới quản trị và thiết kế dạy học (Nguyễn & Đinh, 2024). Thứ hai, các nghiên cứu về đội ngũ giảng viên và nhà quản lý cho thấy năng lực số là điều kiện then chốt quyết định chất lượng thực thi chuyển đổi số ở cấp cơ sở đào tạo (Dương, 2025). Thứ ba, các nghiên cứu về phạm vi tiếp cận và rào cản trong dạy học đại học chỉ ra rằng hạ tầng, học liệu, năng lực sử dụng công nghệ và nhận thức đổi mới là những điểm nghẽn thường gặp (Vương & Đào, 2024).

Một điều kiện quan trọng khác là phát triển năng lực số cho người học. Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã thể chế hóa Khung năng lực số cho người học, qua đó khẳng định việc tìm kiếm, đánh giá, sử dụng và chia sẻ thông tin số một cách có trách nhiệm là yêu cầu chính thức của quá trình học tập hiện nay (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025). Đối với học phần Pháp luật đại cương, yêu cầu này càng có ý nghĩa trực tiếp vì sinh viên phải biết khai thác nguồn pháp lý chính thống, sử dụng tài liệu đúng mục đích, trích dẫn đúng và nhận diện rủi ro pháp lý trong môi trường mạng.

Bên cạnh đó, nghiên cứu về khung pháp luật cho chuyển đổi số trong giáo dục cho thấy hiệu quả triển khai phụ thuộc vào sự đồng bộ giữa chính sách, tổ chức thực hiện và nguồn lực bảo đảm (Đào, 2026). Như vậy, muốn đổi mới giảng dạy học phần Pháp luật đại cương theo hướng số hóa và hiện đại hóa, không thể chỉ dựa vào nỗ lực cá nhân của

giảng viên, mà cần một môi trường thể chế, kỹ thuật và chuyên môn đủ mạnh để hỗ trợ quá trình này.

2.4. Thực trạng triển khai chuyển đổi số trong giảng dạy học phần Pháp luật đại cương tại Trường Đại học Mở Hà Nội

Trong những năm gần đây, Trường Đại học Mở Hà Nội đã từng bước triển khai chuyển đổi số trong hoạt động đào tạo, trong đó học phần Pháp luật đại cương cũng được tổ chức giảng dạy theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin và môi trường số.

Về hình thức tổ chức dạy học, học phần hiện nay chủ yếu được triển khai theo mô hình kết hợp (blended learning), bao gồm giảng dạy trực tiếp trên lớp kết hợp với học trực tuyến thông qua hệ thống quản lý học tập (LMS) và các nền tảng hỗ trợ như Zoom, MS Teams hoặc các công cụ tương đương. Hệ thống LMS được sử dụng để cung cấp tài liệu học tập, giao bài tập, tổ chức kiểm tra, đánh giá và hỗ trợ tương tác giữa giảng viên và sinh viên ngoài giờ học.

Về học liệu số, giảng viên đã bước đầu xây dựng và cung cấp các dạng học liệu điện tử như bài giảng trình chiếu, tài liệu tham khảo dưới dạng số, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm phục vụ kiểm tra - đánh giá. Một số học phần đã sử dụng video bài giảng hoặc tài liệu e-learning. Tuy nhiên, nhìn chung học liệu số còn mang tính truyền thống, chủ yếu là chuyển đổi từ tài liệu giấy sang định dạng số, chưa chú trọng nhiều đến tính tương tác, tình huống hóa và khả năng hỗ trợ người học

phát triển kỹ năng vận dụng pháp luật trong thực tiễn.

Bên cạnh những kết quả bước đầu, quá trình triển khai chuyển đổi số trong giảng dạy học phần này vẫn còn một số khó khăn, hạn chế. Đối với giảng viên, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và thiết kế học liệu số chưa đồng đều, một bộ phận còn gặp khó khăn trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy phù hợp với môi trường số. Đối với sinh viên, mặc dù có khả năng tiếp cận công nghệ, song vẫn tồn tại tâm lý học thụ động, chưa phát huy hiệu quả tự học trong môi trường trực tuyến. Về hạ tầng, hệ thống kỹ thuật phục vụ dạy học số tuy đã được đầu tư nhưng chưa thực sự đồng bộ, việc khai thác và sử dụng các nền tảng còn chưa tối ưu.

Về điều kiện bảo đảm, nhà trường đã có những chủ trương thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, tổ chức các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cho giảng viên, đồng thời đầu tư hệ thống LMS và các nền tảng hỗ trợ dạy học trực tuyến. Tuy nhiên, các điều kiện này vẫn cần được tiếp tục hoàn thiện theo hướng đồng bộ, chuyên sâu và gắn với đặc thù của từng học phần, trong đó có học phần Pháp luật đại cương.

Từ thực trạng trên có thể thấy, việc triển khai chuyển đổi số trong giảng dạy học phần Pháp luật đại cương tại Trường Đại học Mở Hà Nội đã đạt được những kết quả bước đầu, song vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế cần được khắc phục, làm cơ sở cho việc đề xuất các định hướng đổi mới phù hợp trong thời gian tới.

III. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng cách tiếp cận nghiên cứu định tính theo hướng phân tích tài liệu. Nguồn tư liệu gồm ba nhóm chính: (i) các văn bản chính sách, pháp luật của Việt Nam liên quan đến chuyển đổi số trong giáo dục đại học; (ii) các công trình nghiên cứu đã công bố về chuyển đổi số, năng lực số, dạy học kết hợp và khung pháp lý trong giáo dục; (iii) các tài liệu tham chiếu liên quan đến tổ chức dạy học học phần nền tảng trong môi trường số.

Trên cơ sở đó, bài viết vận dụng bốn phương pháp chủ yếu. Thứ nhất, phương pháp phân tích - tổng hợp được dùng để hệ thống hóa khái niệm, luận điểm và kết quả nghiên cứu liên quan đến chuyển đổi số trong giáo dục đại học. Thứ hai, phương pháp lược khảo tài liệu giúp nhận diện các hướng tiếp cận nổi bật và khoảng trống cần tiếp tục thảo luận đối với giảng dạy học phần Pháp luật đại cương. Thứ ba, phương pháp so sánh được sử dụng để chỉ ra sự khác biệt giữa cách tổ chức dạy học truyền thống và cách tổ chức dạy học trong môi trường số trên các phương diện như vai trò của giảng viên, mức độ tham gia của sinh viên, học liệu, tương tác và đánh giá. Thứ tư, phương pháp tổng hợp hệ thống được dùng để kết nối cơ sở lý luận với yêu cầu thực tiễn, từ đó đề xuất các định hướng đổi mới phù hợp.

Bài viết không sử dụng khảo sát định lượng ở cấp trường. Vì vậy, phần phân tích thực trạng được trình bày theo hướng nhận diện vấn đề và đối chiếu giữa yêu cầu chính sách với đặc thù của học phần. Cách tiếp cận này phù hợp với

mục tiêu của một bài viết tổng quan và định hướng giải pháp, đồng thời tránh việc sử dụng các số liệu chưa được thiết kế và mô tả phương pháp một cách đầy đủ.

Cách tiếp cận này phù hợp với mục tiêu nhận diện vấn đề và đề xuất định hướng, thay vì kiểm định giả thuyết bằng dữ liệu định lượng.

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Những vấn đề đặt ra đối với giảng dạy học phần Pháp luật đại cương trong bối cảnh chuyển đổi số

Từ việc đối chiếu yêu cầu chính sách với đặc thù của học phần, có thể nhận diện một số vấn đề nổi bật trong giảng dạy Pháp luật đại cương hiện nay. Trước hết, học liệu số phục vụ môn học ở nhiều cơ sở giáo dục đại học vẫn chưa được tổ chức thành một hệ thống liên thông. Giáo trình, văn bản pháp luật, câu hỏi ôn tập, tình huống thực tiễn và bài giảng số thường tồn tại rời rạc, khiến quá trình học trước giờ lên lớp, học trên lớp và tự học sau giờ học chưa được kết nối chặt chẽ. Hạn chế này làm giảm lợi thế của môi trường số đối với một học phần đòi hỏi cập nhật thường xuyên như pháp luật.

Tiếp đó, phương pháp giảng dạy còn có nguy cơ thiên về truyền thụ kiến thức một chiều. Trong khi nội dung pháp luật yêu cầu phân tích, lập luận và vận dụng, nhiều lớp học vẫn dành phần lớn thời lượng cho việc giải thích khái niệm và quy phạm, khiến sinh viên ít có cơ hội luyện tập tư duy pháp lý. Nghiên cứu về chuyển đổi số trong giáo dục đại học cho thấy nếu phương pháp dạy học không thay đổi, công nghệ rất dễ chỉ đóng vai trò phụ trợ

hình thức mà chưa tạo ra giá trị sự phạm thực chất (Nguyễn & Đinh, 2024; Vương & Đào, 2024).

Một vấn đề khác là năng lực số của giảng viên và sinh viên chưa phải lúc nào cũng tương thích với yêu cầu của lớp học số. Giảng viên có thể sử dụng nền tảng dạy học ở mức cơ bản nhưng chưa đồng đều trong thiết kế học liệu, điều phối tương tác, tổ chức hoạt động học tập và xây dựng nhiệm vụ đánh giá trong môi trường số. Về phía sinh viên, việc tra cứu văn bản pháp luật, nhận diện nguồn tin đáng tin cậy, trích dẫn đúng và tuân thủ đạo đức học thuật vẫn cần được hướng dẫn có hệ thống hơn.

Ngoài ra, kiểm tra đánh giá trong môi trường số còn đặt ra thách thức về tính xác thực và khả năng đo lường năng lực vận dụng. Nếu chỉ chuyển bài kiểm tra giấy sang hình thức trực tuyến mà không thay đổi cấu trúc nhiệm vụ đánh giá, kết quả học tập khó phản ánh đúng năng lực lập luận pháp lý của người học. Vì vậy, chuyển đổi số trong giảng dạy học phần này cần được nhìn nhận như yêu cầu đổi mới toàn bộ chu trình dạy học, chứ không chỉ là thay đổi công cụ triển khai.

4.2. Yêu cầu đặt ra đối với đổi mới giảng dạy học phần Pháp luật địa phương trong bối cảnh chuyển đổi số

Từ các vấn đề nêu trên, việc đổi mới giảng dạy học phần Pháp luật địa phương trong bối cảnh chuyển đổi số cần đáp ứng một số yêu cầu cơ bản sau:

Thứ nhất, cần chuyển từ tư duy số hóa nội dung sang tư duy thiết kế lại học phần. Với Pháp luật địa phương, giá

trị của chuyển đổi số không nằm ở việc chuyển giáo trình giấy thành tệp điện tử, mà ở chỗ xây dựng được chuỗi hoạt động học tập có logic: sinh viên tiếp cận kiến thức nền, làm việc với tình huống, trao đổi, phản biện và tự đánh giá theo từng chủ đề. Chỉ khi đó, công nghệ mới thực sự nâng cao chất lượng học tập và khả năng vận dụng pháp luật.

Thứ hai, học liệu số phải bảo đảm tính chính xác, tính cập nhật và tính sự phạm. Khác với nhiều học phần khác, nội dung pháp luật gắn chặt với văn bản quy phạm pháp luật và các nguồn tư liệu chính thống; do đó, học liệu số của học phần cần được xây dựng trên cơ sở tài liệu tin cậy, có cơ chế cập nhật định kỳ và có hướng dẫn khai thác rõ ràng. Điều này giúp hạn chế nguy cơ người học tiếp cận nguồn thông tin thiếu kiểm chứng hoặc không còn hiệu lực.

Thứ ba, phát triển năng lực số phải gắn với đạo đức số và trách nhiệm pháp lý. Khung năng lực số cho người học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đã khẳng định yêu cầu này ở bình diện chính sách (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025). Đối với học phần Pháp luật địa phương, năng lực số cần được cụ thể hóa thành khả năng tra cứu văn bản, đánh giá nguồn tin, tôn trọng bản quyền, trích dẫn đúng và sử dụng công cụ số một cách có trách nhiệm.

Thứ tư, việc đổi mới phải được đặt trong các điều kiện bảo đảm tương ứng. Chuyển đổi số trong giáo dục sẽ khó đi vào chiều sâu nếu thiếu hạ tầng, nền tảng quản lý học tập, thư viện số, hỗ trợ chuyên môn và cơ chế phối hợp trong nhà trường (Đào, 2026). Vì vậy, đổi mới giảng dạy

Pháp luật đại cương cần là một bộ phận của chiến lược chung về chuyển đổi số của cơ sở đào tạo, thay vì chỉ là sáng kiến rời rạc ở cấp học phần.

4.3. Định hướng đổi mới trong thời gian tới

Thứ nhất, *triển khai mô hình dạy học kết hợp theo hướng phân bổ lại hoạt động học tập.*

Giảng viên học phần là chủ thể trực tiếp thiết kế cấu trúc dạy học, trong đó phần kiến thức nền (video ngắn, tài liệu đọc, câu hỏi chuẩn bị) được đưa lên hệ thống LMS để sinh viên tự học trước; thời lượng trên lớp tập trung cho thảo luận, xử lý tình huống và phản biện. Điều kiện triển khai là hệ thống LMS ổn định, có khả năng giao bài, theo dõi tiến độ và hỗ trợ tương tác. Giải pháp này có tính khả thi cao vì phù hợp với hạ tầng hiện có của nhà trường và không đòi hỏi đầu tư lớn, chủ yếu phụ thuộc vào năng lực thiết kế của giảng viên. Đây là hướng đi phù hợp với nghiên cứu về blended learning trong bối cảnh giáo dục đại học hiện nay (Nguyễn và cộng sự, 2025).

Thứ hai, *xây dựng học liệu số theo từng chủ đề học phần.*

Khoa Đào tạo Cơ bản chủ trì, phối hợp với giảng viên và bộ phận công nghệ thông tin để xây dựng bộ học liệu gồm: video bài giảng ngắn, tình huống pháp lý, ngân hàng câu hỏi và tài liệu hướng dẫn tra cứu văn bản quy phạm pháp luật. Điều kiện thực hiện là có cơ chế phân công, nghiệm thu và cập nhật học liệu định kỳ. Trong giai đoạn đầu, có thể triển khai thí điểm với một số chuyên đề trọng tâm, do

đó mức độ khả thi ở mức trung bình - cao và có thể mở rộng theo lộ trình.

Thứ ba, *đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tăng cường hoạt động vận dụng.*

Giảng viên tổ chức các hoạt động như phân tích tình huống, tranh luận pháp lý, thảo luận nhóm trên nền tảng số hoặc tại lớp. Sinh viên là chủ thể tham gia, thực hiện nhiệm vụ học tập có hướng dẫn. Điều kiện triển khai là cần thiết kế câu hỏi, tình huống phù hợp và có cơ chế đánh giá rõ ràng. Giải pháp này có tính khả thi cao vì không phụ thuộc nhiều vào công nghệ mà chủ yếu dựa vào đổi mới phương pháp.

Thứ tư, *đổi mới kiểm tra-đánh giá theo hướng kết hợp đánh giá quá trình và đánh giá năng lực.*

Giảng viên thiết kế hệ thống đánh giá gồm: bài kiểm tra ngắn trên LMS, bài tập tình huống, sản phẩm nhóm hoặc bài phản hồi cá nhân. Nhà trường và khoa Đào tạo Cơ bản cần ban hành hướng dẫn về cấu trúc đánh giá và kiểm soát gian lận học thuật. Điều kiện triển khai là xây dựng ngân hàng câu hỏi và tiêu chí chấm điểm rõ ràng. Mức độ khả thi ở mức trung bình, do cần thời gian chuẩn hóa và thống nhất trong toàn bộ học phần.

Thứ năm, *bồi dưỡng năng lực số cho giảng viên và hỗ trợ sinh viên.*

Nhà trường tổ chức các chương trình tập huấn theo chuyên đề (thiết kế bài giảng số, tổ chức lớp học trực tuyến, xây dựng học liệu tương tác). Đồng thời, sinh viên cần được hướng dẫn về tra cứu văn bản pháp luật, đánh giá nguồn tin và trích dẫn tài liệu. Điều kiện triển khai là có

kế hoạch đào tạo thường xuyên và đội ngũ hỗ trợ kỹ thuật. Giải pháp này có tính khả thi cao nếu được lồng ghép vào kế hoạch bồi dưỡng hiện có.

Thứ sáu, hoàn thiện môi trường học tập số ở cấp cơ sở đào tạo.

Nhà trường là chủ thể chính, phối hợp giữa các đơn vị chuyên môn, công nghệ thông tin và thư viện để xây dựng hệ sinh thái học tập số liên thông (LMS - học liệu - thư viện - hỗ trợ học tập). Điều kiện thực hiện là có chiến lược tổng thể và phân bổ nguồn lực phù hợp. Đây là giải pháp có ý nghĩa dài hạn, mức độ khả thi phụ thuộc vào lộ trình đầu tư và quản lý của nhà trường.

V. Kết luận

Trong bối cảnh môi trường học tập đại học đang dịch chuyển mạnh sang không gian số, việc đổi mới giảng dạy học phần Pháp luật đại cương không còn là lựa chọn mang tính khuyến khích mà trở thành yêu cầu mang tính cấu trúc đối với hoạt động đào tạo. Giá trị của chuyển đổi số trong học phần này thể hiện ở khả năng tổ chức lại quá trình học tập theo hướng linh hoạt, tăng cường tương tác và gắn với thực tiễn pháp lý.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2025). Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 quy định Khung năng lực số cho người học.
- Đào, T. N. A., (2026). Khung pháp luật về chuyển đổi số trong giáo dục: Thực trạng và đề xuất giải pháp hoàn thiện. Tạp chí Giáo dục, 25 (số đặc biệt 10), 371-377.

Dương, V. Đ., (2025). Chuyển đổi số giáo dục đại học: Yêu cầu năng lực số và những thách thức đối với đội ngũ quản lý và giảng viên. Tạp chí Giáo dục, 25 (đặc biệt 9), 49-54.

Nguyễn, Đ. C. & Đinh, V. T. (2024). Chuyển đổi số trong giáo dục đại học: Khái niệm, sự phát triển và kiến nghị giải pháp. Tạp chí Giáo dục, 24 (số đặc biệt 6), 12-17.

Nguyễn, T. T. A., Tôn, Q. C., Lê, H. A., & Nguyễn, T. B., (2025). Tổng quan nghiên cứu về mô hình dạy học kết hợp (Blended Learning). Tạp chí Giáo dục, 25 (14), 13-18.

Thủ tướng Chính phủ. (2020). Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Thủ tướng Chính phủ. (2022). Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”.

Vương, L. T. N., & Đào, Q. P., (2024). Chuyển đổi số trong việc dạy và học tại các cơ sở giáo dục đại học: Phạm vi tiếp cận, rào cản và trở ngại. Tạp chí Giáo dục, 24 (đặc biệt 8), 12-17.

DIGITAL TRANSFORMATION IN TEACHING THE GENERAL LAW COURSE AT HANOI OPEN UNIVERSITY: REQUIREMENTS AND ORIENTATIONS FOR INNOVATION

Dinh Thi Hang¹

Abstract: *Digital transformation is restructuring the university teaching environment and demanding innovation in foundational courses, including General Law. For this course, digital transformation goes beyond simply digitizing materials or organizing online teaching; it requires redesigning content, learning materials, methods, and assessment to enhance interactivity, ensure the up-to-date nature of legal sources, and develop students' application skills. This article analyzes the theoretical basis, identifies issues arising from practical implementation at Hanoi Open University, and proposes feasible innovation directions. The research uses a method of document analysis and synthesis, comparison, and systematization based on policy documents and related scientific works. The results show that innovation needs to be implemented synchronously, linked to the specific characteristics of the course and the conditions of the training institution.*

Keywords: *digital competence, digital transformation, general law, higher education, teaching methods*

¹ Hanoi Open University, Hanoi, Vietnam